TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **286**/2018/QĐST-HNGĐ	*TP.M, ngày 09 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 577/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ T L** - sinh năm: 1979

- Bị đơn: Anh **Trần C Q** - sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: Số 16A[4], ấp B S, xã L V L, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị **Đỗ T L** và anh **Trần C Q** trong vụ án HNGĐ xin ly hôn, giao con, tài sản và nợ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận cho chị L và anh Q được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 đứa tên Trần K Q sinh ngày 18/6/2003 và Trần Đỗ A T sinh ngày 04/01/2012 đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn anh, chị thống nhất tiếp tục giao cả 2 con cho chị L trực tiếp nuôi con. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền đến thăm con, không ai được cản trở, ngược lại anh không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có.

- Về án phí HNGĐ: 150.000đ chị L nhận nộp, ngày 26/6/2018 chị đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0965 chị được hoàn 150.000đ khi quyết định có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Ninh Quang Thế